

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **66** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **15** tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình số 01-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về chương trình hoạt động toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về chương trình làm việc toàn khóa của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 24/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 51/SKHĐT-TH ngày 13/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

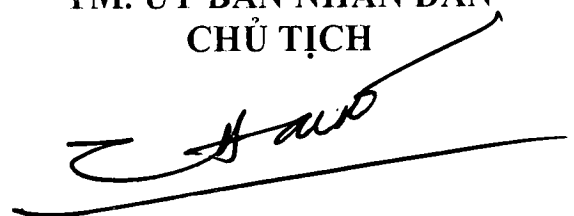
Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, CV NCTH, Hồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Hải

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Quyết định số **66** /QĐ-UBND ngày **15** /01/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã thông qua Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/10/2020 về Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 18 đã thông qua Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu tổng quát là “*Khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tập trung phát triển, nâng cao giá trị kinh tế trong sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hoá. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nhất là chế biến sau thu hoạch. Xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông để phát triển du lịch và dịch vụ. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, chú trọng giảm nghèo nhanh và bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*”.

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với các nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết của HĐND tỉnh về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đề ra.

Chương trình hành động là khung nhiệm vụ trọng tâm của các Sở, Ban, ngành và UBND các cấp trong tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025.

2. Yêu cầu

- Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc phương châm chỉ đạo của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII “**Đoàn kết – Dân chủ - Kỷ cương – Sáng tạo – Phát triển**” và 04 chương trình trọng tâm chỉ đạo, điều hành.

- Các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động phải bám sát những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được nêu tại Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

- Triển khai đầy đủ, toàn diện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải khắc phục được những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra trong giai đoạn 2016-2020.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và UBND các cấp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ 5 năm 2021-2025.

- Xác định được các cơ chế, chính sách chủ yếu và lộ trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm đạt 6,5 - 7,0%/năm, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp tăng 3,5%/năm; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 9,6 - 9,8%/năm (Công nghiệp tăng 12,8 - 13%/năm; xây dựng tăng 7,5%/năm); khu vực dịch vụ tăng 7,0%/năm.

- Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26,2%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 18,5%; khu vực dịch vụ chiếm 53%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 2,3%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 62 triệu đồng.

- Sản lượng lương thực bình quân đầu người duy trì trên 500 kg/người/năm; diện tích trồng rừng bình quân đạt 3.500 ha/năm; duy trì tỷ lệ che phủ rừng 72,9%.

- Đến năm 2025, xây dựng thành phố Bắc Kạn cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II; cả tỉnh có 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có: 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 174 thôn đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt trên 13 tiêu chí. Cả tỉnh có thêm 150 hợp tác xã được thành lập mới.

- Đến năm 2025 có 200 sản phẩm OCOP đạt 3 - 4 sao; trong đó có 2 sản phẩm đạt 5 sao.

- Đến năm 2025, hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể.

- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia 98,5%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 98,5%, trong đó 50% được sử dụng nước sạch.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đạt tiêu chuẩn tại đô thị là 92% và 40% đối với nông thôn.

- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 1.100 tỷ đồng. Tỷ lệ huy động GRDP vào ngân sách đạt 5,2 - 5,3%.

- Tốc độ tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 11,5%/năm; đến năm 2025 đạt 11.200 tỷ đồng; xuất, nhập khẩu tăng trưởng bình quân 10%/năm. Phân đấu đến năm 2025, di sản Ba Bể - Na Hang được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt trên 90%; số trường chuẩn quốc gia tăng thêm 60 trường.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng theo tuổi) dưới 17%; duy trì tỷ lệ trên 17 bác sĩ/1 vạn dân; 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên 98%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%; giải quyết việc làm cho 6.400 lao động/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 2 - 2,5%; tỷ lệ hộ nghèo của huyện nghèo giảm 3,5 - 4% trở lên.

- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 88%, khu dân cư văn hoá đạt 86%; 100% xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt.

- Hằng năm, phân đấu đạt 100% chỉ tiêu, kế hoạch về tuyển quân; giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện và diễn tập chiến đấu phòng thủ hoặc phòng thủ dân sự xã, phường, thị trấn; động viên quân nhân dự bị và đảm bảo phương tiện kỹ thuật theo yêu cầu.

- Phân đấu tiếp nhận, xử lý 100% tin báo, tố giác tội phạm; tỷ lệ điều tra khám phá án hằng năm đạt từ 80% trở lên; phân đấu hằng năm giảm từ 5% trở lên số vụ tội phạm về trật tự xã hội; kiểm chế sự gia tăng tiến tới giảm tai nạn giao thông.

- Phân đấu đến năm 2025, 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm; 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4 đạt 90% trở lên. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI phân đấu tăng bình quân 01 bậc/năm.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thực hiện 4 chương trình trọng tâm

1.1. Chương trình trọng tâm số 01: Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác cán bộ theo phương châm tận tâm với công việc, tâm huyết với quê hương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới. Có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới có lợi ích cho xã hội

- Triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức để thực hiện Kế hoạch tổng thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng

cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ gắn với đề án vị trí việc làm; tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra thanh tra công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm, hiệu quả và thực chất chính sách tinh giản biên chế; tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, luân chuyển cán bộ.

- Thực hiện rà soát nhu cầu thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ; xây dựng Đề án đào tạo đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có năng lực, tâm huyết vào công tác trong bộ máy hành chính Nhà nước (*thực hiện sau khi Chính phủ ban hành quy định khung chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ*).

1.2. Chương trình trọng tâm số 02: *Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số cải cách hành chính*

- Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác cải cách hành chính. Hằng năm tiếp tục lấy kết quả thực hiện cải cách hành chính làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; làm tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng đối với tổ chức, người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Đối với những người đứng đầu đã được yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính, nhưng không có chuyển biến thì phải xem xét trách nhiệm, năng lực cán bộ để điều chuyển công việc khác cho phù hợp.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch và chỉ thị của Đảng, Nhà nước về cải cách hành chính. Trên cơ sở đó xây dựng Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 5 năm (giai đoạn 2020-2025) và 10 năm (giai đoạn 2020-2030) phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh trên cả 6 lĩnh vực, từ cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Xây dựng và thực hiện Bộ tiêu chí Chỉ số Cải cách hành chính và Bộ tiêu chí chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cấp ủy đảng, chính quyền triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của cấp trên về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch sát với mục tiêu, yêu cầu, phù hợp với đặc điểm tình hình nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, khắc phục các chỉ số thành phần thấp điểm, giảm điểm và duy trì, cải thiện các chỉ số thành phần ở mức cao và tăng điểm. Thực hiện kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành (DDCI).

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ; phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt và phê phán, chỉ rõ những tập thể, cá nhân có thái độ tiêu cực, tác phong làm việc quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh. Trong đó, xây dựng văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, khả thi; xây dựng các thể chế về chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Trong đó, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các thể chế mới có chứa thủ tục hành chính theo quy định pháp luật; nâng cao chất lượng rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Nhà nước theo quy định để cá nhân, tổ chức biết giám sát, thực hiện. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và hoạt động của bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

- Rà soát tổng thể vị trí việc làm và chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị để điều chỉnh Đề án vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức. Sắp xếp, sử dụng, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm được phê duyệt. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác bổ nhiệm, tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm đảm bảo khách quan, công bằng để làm cơ sở xác định đối tượng cần tinh giản biên chế một cách chính xác, thuyết phục.

- Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng hiệu quả thu, chi ngân sách nhà nước. Triển khai thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công đối với đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động và các chế độ, chính sách an sinh xã hội đối với người dân. Nâng cao hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 01/10/2013 của Chính phủ; tiếp tục giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và nâng cao hiệu quả thực hiện. Giảm dần số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và tăng số lượng các đơn vị tự chủ tự bảo đảm về tài chính theo tinh thần, chủ trương của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp

hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của Kế hoạch số 185-KH/TU ngày 05/5/2020 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025. Duy trì thực hiện có hiệu quả các phần mềm dùng chung đã triển khai

- Tăng cường ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 gắn với hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công; nâng cao chất lượng trang Thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành địa phương đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân, doanh nghiệp có nhu cầu tìm kiếm; tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Nghiêm túc thực hiện quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường và các thủ tục hành chính liên quan tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tạo sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực tài chính của nhà nước. Tích cực nắm bắt, giải quyết kiến nghị, khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

1.3. Chương trình trọng tâm số 03: Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng liên kết sản xuất và nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho dân cư khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2025 dựa trên phát triển chuỗi giá trị của các ngành hàng có lợi thế; khai thác lợi thế của địa phương phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái. Ban hành các kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn, cụ thể: Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến gỗ, tre, nứa, gắn với nhu cầu chế biến và định hướng phát triển công nghiệp chế biến của tỉnh; Kế hoạch phát triển vùng trồng cây dược liệu; Kế hoạch phát triển cây ăn quả đặc sản (cam, quýt, hồng không hạt, mơ, chuối), *phấn đấu đến năm 2025 diện tích các loại cây trồng đạt được như sau: Cây ăn quả có múi (cam, quýt) đạt 3.300 ha, diện tích cho thu hoạch 2.400ha (trong đó chứng nhận ATTP hoặc Vietgap, hữu cơ là 800ha), sản lượng 28.800 tấn; hồng không hạt 750ha, diện tích cho thu hoạch 500ha (trong đó chứng nhận ATTP hoặc Vietgap, hữu cơ 200ha), sản lượng 2.550 tấn; kế hoạch phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn; kế hoạch phát triển chế biến sản phẩm chè và miến dong với diện tích ổn định 2.300ha chè/năm và 800ha dong riêng/năm; kế hoạch phát triển nông lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch; phương án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; kế hoạch giao khoán bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên.*

- Tăng cường sản xuất đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng thông qua việc lựa chọn một số giống cây trồng phù hợp và thích ứng với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu để tăng năng suất, chất lượng, mở rộng vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra sản phẩm nông sản đạt các tiêu chuẩn về ATTP, VietGAP, hữu cơ... đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Việc chuyển dịch cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp đến năm 2025, lấy lâm nghiệp, chế biến gỗ và dược liệu là trọng tâm để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp của tỉnh, cụ thể:

- Áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật để nâng cao chất lượng rừng trồng, phấn đấu đến năm 2025, diện tích rừng trồng của toàn tỉnh đạt 100.000 ha, trong đó có 1/3 diện tích trồng theo hướng kinh doanh cây gỗ lớn. Huy động các nguồn lực đầu tư để thực hiện dự án đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, gắn trồng rừng với quản lý rừng phát triển bền vững tại địa phương.

- Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng theo 04 tiểu vùng sinh thái trên địa bàn, phấn đấu đến năm 2025 trồng khoảng 400 ha cây dược liệu, trong đó có 200 ha trồng xen dưới tán rừng nhằm nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái phát triển bền vững đồng thời cung cấp nguồn dược liệu quý cho các cơ sở chế biến trong nước phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và phát triển dược liệu quốc gia.

Xây dựng vùng nguyên liệu định hướng phát triển hàng hóa đối với các cây trồng chủ lực, có lợi thế tiềm năng tại các địa phương. Đầu tư khoa học công nghệ để phát triển sản xuất tạo ra sản phẩm đạt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ ... đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Các cơ quan quản lý tăng cường sự phối hợp trong công tác tuyên truyền quảng bá giới thiệu các sản phẩm nông, lâm nghiệp, xúc tiến đầu tư, nghiên cứu phát triển mẫu mã bao bì sản phẩm và tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm mang tính đặc thù tại địa phương để từng bước xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm trên địa bàn.

- Tăng cường liên kết sản xuất nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho dân cư khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện có, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục quan tâm phát triển các sản phẩm bản địa, sản phẩm chủ lực, OCOP. Hỗ trợ thúc đẩy các nhóm đối tượng có ít tư liệu sản xuất, quy mô sản xuất nhỏ song cũng có tiềm năng phát triển thành sản phẩm OCOP.

- Thực hiện liên kết sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ nông sản để tăng thu nhập cho người sản xuất. Thúc đẩy sự tham gia, chia sẻ lợi ích, liên kết sản xuất giữa các hộ gia đình với các Hợp tác xã, công ty, doanh nghiệp trong chế biến kinh doanh và liên kết thị trường; tập trung phát triển kinh tế hợp tác và thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế vào sản xuất nông lâm nghiệp theo quy trình ứng dụng công nghệ cao.

- Tập trung mọi nguồn lực trong việc mở rộng vùng nguyên liệu đủ lớn để phục vụ công tác chế biến theo các trục sản phẩm, thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sang phát triển các cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn. Đồng thời, đẩy mạnh việc sản xuất đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn như tiêu chuẩn VietGap, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiến tới đạt tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ, kết hợp đẩy mạnh việc đầu tư cho công tác chế biến, nhất là chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến theo công nghệ cao, chú trọng việc thiết kế nhãn mác bao bì sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tiếp tục đổi mới quan hệ sản xuất làm động lực cho tăng trưởng, tăng thu nhập, chủ động tạo việc làm, có thu nhập ổn định cho lao động nông thôn tại các địa phương để người dân gắn bó với hoạt động sản xuất tại chính quê hương mình, từng bước khắc phục tình trạng thiếu lao động trong sản xuất nông lâm nghiệp tại các địa phương. Qua đó góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

1.4. Chương trình trọng tâm số 04: Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch và công nghiệp trở thành ngành mũi nhọn, trọng tâm là du lịch hồ Ba Bể. Hoàn thiện khu công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản và một số ngành có lợi thế của địa phương. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để phát triển nông, lâm nghiệp và du lịch.

- Xây dựng và thực hiện tốt Đề án thu hút đầu tư phát triển hạ tầng du lịch và công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh với mục tiêu đưa du lịch và công nghiệp chế biến thành ngành kinh tế trọng tâm của tỉnh.

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các chính sách về đầu tư phát triển du lịch và công nghiệp, phát triển khu, cụm công nghiệp về kết cấu hạ tầng, đường giao thông, điện,... và các vấn đề văn hóa xã hội phục vụ công nhân lao động.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại các khu, cụm công nghiệp; các di tích, danh lam thắng cảnh; xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi, có tính kết nối vùng trong tỉnh và tỉnh với các vùng trong cả nước,

- Khuyến khích người dân khôi phục và phát triển các nghề truyền thống nhằm thu hút vốn từ khu vực tư nhân; huy động nguồn vốn trong cộng đồng nhân dân đầu tư cho du lịch, tiểu thủ công nghiệp.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc mô hình một cửa, một cửa liên thông trong cơ quan hành chính các cấp và các sở, ngành chức năng. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư và quảng bá về tiềm năng đầu tư phát triển công nghiệp, du lịch của địa phương tại các hội nghị xúc tiến đầu tư, trên các phương tiện truyền thông, liên kết các trang mạng Internet chuyên trang du lịch. Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo thu hút đầu tư hoặc triển lãm chuyên đề văn hóa du lịch.

- Triển khai đầu tư hạ tầng du lịch, hạ tầng công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn 2021-2025 trong đó ưu tiên các dự án đầu tư chế biến nông lâm sản. Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tạo mặt bằng sạch để thu hút đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Huyện Tụng; đồng thời chủ động hỗ trợ về các thủ tục pháp lý liên quan (thủ tục đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường,...). Thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí theo quy định cho nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Chu, Cụm công nghiệp Cẩm Giàng trong thời gian sớm nhất để sớm hoàn thiện mặt bằng cho các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư xây dựng các dự án sản xuất công nghiệp.

- Cân đối ngân sách để tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tối thiểu 02 Cụm công nghiệp có vị trí, điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp, đặc biệt các dự án chế biến nông, lâm sản, công nghiệp dệt may, da giày, điện tử...; thực hiện xây dựng Phương án phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với thực tế điều kiện phát triển hạ tầng kỹ thuật chung (giao thông, điện, nước,...) để tích hợp vào Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Triển khai đầu tư hệ thống đường giao thông thực hiện kết nối vùng, địa phương để tạo điều kiện thu hút, phát triển công nghiệp, du lịch: Tuyến QL 3 mới Chợ Mới – Bắc Kạn; tuyến đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể; dự án hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể; tuyến đường Quảng Khê – Khang Ninh, huyện Ba Bể.

2. Phát triển kinh tế

2.1. Nâng cao hiệu quả công tác lập quy hoạch

- Xây dựng Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp, thống nhất với mục tiêu, định hướng, nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025; các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng như rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch bảo vệ hồ Ba Bể,...

- Thực hiện liên kết vùng, hợp tác với các địa phương trong vùng và cả nước, trước hết là kết nối giữa tỉnh Bắc Kạn với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, nhất là kết nối hạ tầng liên vùng, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cân đối thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

- Xác định mục tiêu, định hướng phát triển để phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Bắc Kạn, chú trọng phát triển một số nhóm ngành ưu tiên.

2.2. Phát triển nông, lâm nghiệp

Phát triển nông, lâm nghiệp dựa trên phát triển chuỗi giá trị của các ngành hàng có lợi thế, các sản phẩm bản địa, sản phẩm chủ lực, OCOP,... phù hợp với cơ chế thị trường và điều kiện của từng địa phương; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới quan hệ sản xuất làm động lực cho tăng trưởng, tăng thu nhập, tạo tích lũy, phát triển nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội.

- Về trồng trọt: Tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng một số cây trồng đang là thế mạnh của địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá, quảng bá thương hiệu tạo đầu ra cho các sản phẩm gạo, cam quýt, hồng không hạt... Triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa tại thành phố Bắc Kạn, các huyện Bạch Thông, Chợ Mới để tạo động lực và thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đối với các loại cây đặc sản (cam, quýt, hồng không hạt) tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật từ khâu chọn giống, trồng, chăm sóc theo hướng VietGAP hoặc đảm bảo ATVSTP và thâm canh, cải tạo đối với vườn cây già cỗi, thoái hóa theo kế hoạch.

- Về chăn nuôi: Tập trung chỉ đạo phát triển đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo hướng chăn nuôi tập trung tại các trang trại; giảm dần việc chăn nuôi nhỏ lẻ tại nông hộ; chăn nuôi an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và an toàn dịch bệnh,... Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở động vật, như: Bệnh lở mồm long móng gia súc, bệnh dại động vật, tai xanh lợn, dịch tả lợn Châu Phi...; thực hiện các biện pháp phòng, chống những ổ dịch mới, các ổ dịch cũ tái phát theo tinh thần các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và thường xuyên kiểm tra vệ sinh thú y theo luật định.

- Về phát triển lâm nghiệp: Thực hiện nghiêm Chi thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung, phân tán đảm bảo về chất lượng, hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp, hộ nông dân đầu tư phát triển rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ kết hợp với kinh tế, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Huy động các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Triển khai thực hiện định giá rừng, khung giá rừng; xây dựng phương án quản lý rừng; tổ chức giao rừng, cho thuê rừng, trong đó tập trung tổ chức giao những diện tích do UBND xã quản lý; thực hiện cấp, quản lý và sử dụng chứng chỉ rừng đúng quy định.

- Về xây dựng nông thôn mới: Quán triệt phương châm "*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*". Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân; nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện chương trình. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung trọng tâm của Chương trình: Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững; hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn; nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn,...

Tiếp tục phát động phong trào thi đua "*Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới*" giai đoạn 2021- 2025 để huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện chương trình.

2.3. Phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp chế biến; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị; đẩy mạnh thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu Ngành Công Thương giai đoạn 2021 - 2030 gắn với Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

- Đầu tư, hỗ trợ triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp để thu hút các dự án. Đến năm 2025 hoàn thành Dự án xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình - giai đoạn II, đưa vào sử dụng và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật ít nhất 02 cụm công nghiệp; thu hút một số dự án mới đầu tư chế biến nông, lâm sản, dược liệu, công nghiệp hỗ trợ... vào KCN Thanh Bình giai đoạn II và vào các cụm công nghiệp.

- Về công nghiệp chế biến, chế tạo: Tập trung mạnh vào những ngành có lợi thế nguồn nguyên liệu của tỉnh; phát triển nguồn nguyên liệu ổn định, có chất lượng cao, quy mô lớn, như: Chế biến sâu, sản phẩm luyện kim để nâng cao giá trị gia tăng, gỗ ép MDF, gỗ ván dán, ván ghép thanh, ván sàn tre, gỗ lạng, gỗ xẻ,... Xây dựng mới các cơ sở chế biến tập trung cân đối với quy mô nguồn nguyên liệu. Ưu tiên cho việc áp dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến sản xuất sản phẩm chất lượng cao, hướng tiêu thụ ra thị trường ngoài tỉnh và phục vụ xuất khẩu. Ổn định các dự án, nhà máy công nghiệp hiện có; đôn đốc các dự án công nghiệp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đi vào hoạt động; tiếp tục thu hút, kêu gọi các dự án công nghiệp lớn trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm sản, lĩnh vực thiết bị điện, điện tử; lĩnh vực dệt may - da giày...

- Về công nghiệp khai thác: Tập trung khai thác các khoáng sản có giá trị kinh tế mà tỉnh đang có lợi thế như quặng chì, kẽm; quặng sắt, sắt mangan; đá silic (thạch anh); đá vôi trắng; quặng vàng gốc để đưa vào chế biến sâu đảm bảo đủ nguyên vật liệu cho các cơ sở luyện kim của tỉnh. Đa dạng hoá quy mô khai thác khoáng sản. Chú trọng công tác thăm dò tìm kiếm mỏ mới, trữ lượng mới, đồng thời thu hút các nhà đầu tư có năng lực thực sự để đầu tư trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Tiếp tục thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm dò đánh giá trữ lượng khoáng sản cung cấp cho các dự án chế biến, sản xuất kim loại đã đầu tư trên địa bàn tỉnh; khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động khai thác, chế biến thu hồi khoáng sản hữu ích. Khai thác khoáng sản phải đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

- Về công nghiệp sản xuất và phân phối điện: Đẩy nhanh tiến độ các dự án thủy điện hiện có; hoàn thành việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Bắc Kạn để kêu gọi nhà đầu tư. Triển khai dự án cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện để nâng số hộ sử dụng điện lưới quốc gia trên toàn tỉnh.

- Về sản xuất tiểu thủ công nghiệp - làng nghề: Khôi phục phát triển, tạo thương hiệu cho các làng có nghề, sản phẩm truyền thống; phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, sản xuất các sản phẩm mang tính truyền thống, tập quán của địa phương gắn với dịch vụ du lịch.

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương khẩn trương tiếp tục triển khai dự án thực hiện Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 3131/QĐ-BCT ngày 27/7/2016 của Bộ Công Thương và đăng ký, triển khai dự án cấp điện nông thôn trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn Chương trình “Chuyển đổi năng lực bền vững Việt Nam – EU”, góp phần đưa điện lưới quốc gia về các thôn, bản vùng sâu, vùng xa chưa có điện trên địa bàn tỉnh.

2.4. Đầu tư xây dựng cơ bản

Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 gắn với thực hiện 04 chương trình trọng tâm của tỉnh và các mục tiêu phát triển 5 năm 2021-2025 được Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và HĐND tỉnh thông qua. Vốn đầu tư công tập trung bố trí để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, thực hiện các dự án có tính kết nối vùng; tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các vùng miền núi, vùng khó khăn.

- Hệ thống giao thông: Xây dựng đường Hồ Chí Minh và hệ thống quốc lộ qua địa bàn tỉnh (Đường Chợ Mới – Bắc Kạn, QL 279,...); cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt cấp IV miền núi, xây dựng mới một số tuyến đường tỉnh (Đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể), tuyến đường phục vụ du lịch, xây dựng các cầu yếu trên các tuyến đường; đến năm 2025 tất cả các đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp V, VI miền núi, một số tuyến quan trọng đạt cấp IV miền núi và mặt đường nhựa hóa; đường xã phải đạt cấp VI miền núi hoặc giao thông nông thôn loại A và loại B cho các loại xe đi lại được 4 mùa. Tập trung đầu tư hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất.

- Hệ thống điện: Tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp cải tạo các công trình cấp điện (hệ thống các trạm biến áp, hệ thống dây cao thế và hạ thế đã cũ nát...) đáp ứng đủ chất lượng, an toàn và kịp thời nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Xây dựng các trạm cấp nước sạch cho phù hợp với quy mô dân số, tình hình sản xuất của mỗi đô thị, đáp ứng tối đa nhu cầu nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

- Tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi cho các địa bàn trọng điểm về nông nghiệp. Xây dựng mới các công trình thủy lợi để mở rộng diện tích canh tác và thâm canh tăng vụ. Xây dựng một số hồ chứa nước phục vụ phòng chống cháy rừng.

- Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để các đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn hoạt động đạt hiệu quả; nâng cao tỷ lệ phủ sóng mạng thông tin di động 5G đô thị trên địa bàn tỉnh, DVCTT cung cấp mức độ 3, mức 4 và hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trực tuyến.

2.5. Phát triển Thương mại dịch vụ

- Phấn đấu tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 11,5%/năm; xuất, nhập khẩu tăng trưởng bình quân 10%/năm. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động thương mại; làm tốt công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của

pháp luật trong quá trình hoạt động của các tổ chức, cá nhân; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh thương mại giữ ổn định thị trường. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2025; hằng năm tổ chức sự kiện xúc tiến thương mại quy mô lớn.

- Tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu phát triển thị trường nhằm thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá; phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng tập trung đáp ứng nhu cầu của thị trường; tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ. Đổi mới và tăng cường thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại để quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm sản và sản phẩm công nghiệp của tỉnh. Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại tại trung tâm huyện và các thị trấn, thị tứ nhằm phát huy vai trò nòng cốt dẫn dắt thị trường để định hướng sản xuất và tiêu dùng.

- Phát triển du lịch Bắc Kạn trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân, bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương và bảo vệ tài nguyên môi trường. Phát triển du lịch gắn với giữ gìn, phát huy, bảo tồn các giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc, nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất - tinh thần cho nhân dân; quan tâm đến lợi ích của cộng đồng dân cư nơi có tài nguyên du lịch, tạo điều kiện để người dân có thể tham gia vào các hoạt động du lịch; gắn hoạt động du lịch với gìn giữ và phát huy các giá trị tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường khai thác hình thức du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch trải nghiệm gắn với sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Phát triển khu du lịch Ba Bể thành khu du lịch quốc gia và phát triển không gian du lịch theo đặc trưng riêng 4 cụm du lịch: Cụm du lịch thành phố Bắc Kạn và phụ cận, cụm du lịch ATK Chợ Đồn và phụ cận, cụm du lịch Na Rì và phụ cận, cụm du lịch Ba Bể và phụ cận.

- Ban hành cơ chế chính sách ưu đãi thu hút đầu tư phát triển du lịch phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tế của địa phương. Xây dựng quy hoạch xây dựng chi tiết tại các khu, điểm du lịch, đặc biệt tại các khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch xâm nhập thị trường khách du lịch với mức độ khác nhau. Mở rộng hành lang liên kết du lịch với các thị trường du lịch trong và ngoài nước, với các đơn vị tổ chức du lịch để tăng hiệu quả kinh doanh du lịch. Xây dựng được hệ thống sản phẩm du lịch phù hợp cho từng thị trường, có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh nhằm thu hút khách và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có chất lượng cao; bao gồm khách sạn, nhà hàng, các cơ sở vui chơi giải trí - thể thao, vận chuyển du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch khác. Trong đó, đặc biệt ưu tiên xây dựng những khách sạn cao cấp 3 - 4 sao có đủ khả năng đón tiếp và tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế.

2.6. Phát triển các thành phần kinh tế

- Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng PCI; phấn đấu đến năm 2025, PCI của tỉnh nằm trong nhóm “khá”. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; tăng cường công khai minh bạch các chính sách, pháp luật liên quan tới doanh nghiệp; đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, tạo sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực tài chính của nhà nước.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

- Chủ động triển khai hiệu quả các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trong công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ cán bộ Hiệp hội.

- Tiếp tục tổ chức triển khai và hướng dẫn các doanh nghiệp nhà nước thực hiện thoái vốn nhà nước, tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) và Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX); Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng thường xuyên.

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về bản chất của kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới. Hướng dẫn các hợp tác xã và người dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể.

- Tổ chức triển khai đồng bộ có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Trung ương của tỉnh về hỗ trợ phát triển hợp tác xã như Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; nghiên cứu đề xuất giải pháp triển khai thực hiện, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, triển khai kịp thời đồng bộ các chủ trương của Đảng và Nhà

nước, các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng năng lực trình độ quản lý, kỹ thuật sản xuất để nâng cao năng lực tổ chức, điều hành, đổi mới phương thức, chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của hợp tác xã; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ hợp tác xã đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm để từng bước mở rộng quy mô hoạt động của hợp tác xã.

- Chú trọng phát huy nguồn nội lực của hợp tác xã, tận dụng tối đa nguồn hỗ trợ của Nhà nước, nguồn tín dụng, vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển sản xuất, xây dựng hạ tầng cơ sở cho sản xuất và chế biến; tăng cường liên kết với doanh nghiệp, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia hoạt động một số dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng nông thôn mới như: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nước sinh hoạt nông thôn, bảo vệ môi trường, chợ nông thôn, ngành nghề nông thôn,... để các hợp tác xã tăng thêm việc làm và thu nhập cho các thành viên.

2.7. Thu chi ngân sách

- Tăng cường các giải pháp thu hút đầu tư, chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu dân cư. Quản lý, theo dõi chặt chẽ các nguồn thu ngân sách nhà nước với các hình thức, giải pháp mới, không bỏ sót nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước, đặc biệt là của các doanh nghiệp, tập đoàn mở chi nhánh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của các tổ chức, hộ kinh doanh, ; rà soát, kiểm tra, hạn chế thấp nhất tình trạng nợ thuế, giảm dần số tiền và số đơn vị nợ thuế hàng năm, nhất là thuế khai thác khoáng sản và thuế xây dựng cơ bản.

- Có biện pháp quản lý đối với hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ điện tử; các khoản thu liên quan đến đất đai như thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, các khoản thu từ phí, lệ phí,... đảm bảo chặt chẽ, chống thất thu ngân sách.

- Thực hiện nghiêm Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và các Luật có liên quan. Xây dựng cơ cấu chi ngân sách hợp lý, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách.

- Phê duyệt chủ trương đầu tư đảm bảo sát, đúng định hướng phát triển của tỉnh, tránh dàn trải gây lãng phí ngân sách nhà nước. Tập trung bố trí vốn cho các dự án trọng tâm, trọng điểm hoàn thành sớm để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao năng lực quản lý dự án của các chủ đầu tư.

- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, đúng mục đích, có hiệu quả và tiết kiệm, chủ động từ khâu lập, thẩm định và phân bổ dự toán. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục sắp xếp tinh giản bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, nâng cao

chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm kinh phí hỗ trợ từ NSNN đối với khu vực sự nghiệp công.

3. Về phát triển văn hóa - xã hội

3.1. Công tác Lao động, thương binh và xã hội

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp; tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp. Kết nối đồng bộ giữa đào tạo với giải quyết việc làm. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách đối với người có công với cách mạng. Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công. Thực hiện hiệu quả các phong trào “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công*”.

- Tập trung thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả; triển khai các mô hình việc làm công gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp.

- Đảm bảo triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh. Chủ động thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Triển khai các hoạt động nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng.

3.2. Y tế - Bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và cung cấp dịch vụ y tế thuận lợi về mặt địa lý; đẩy mạnh truyền thông - giáo dục sức khỏe. Phát triển hệ thống cảnh báo sớm, đáp ứng nhanh, chủ động giám sát dịch tễ, khống chế dịch bệnh kịp thời, không để dịch lớn xảy ra. Triển khai tốt và có hiệu quả các dự án, chương trình Y tế - Dân số. Xây dựng Đề án “*Đảm bảo kinh phí cho một số nhóm nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Y tế- Dân số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025*”.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; từng bước phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến huyện; xây dựng Đề án Hoàn thiện cơ sở vật chất các Trung tâm Y tế tuyến huyện tỉnh Bắc Kạn; thực hiện có hiệu quả phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, các tuyến có đủ năng lực thực hiện danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến; xây dựng Đề án thành lập Bệnh viện Y dược học cổ truyền và phục hồi chức năng.

- Nâng cao y đức, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh; duy trì và phát huy có hiệu quả hoạt động các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tăng cường công tác khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, bảo đảm cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa.

- Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ y tế cơ sở đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu; có chính sách để khuyến khích người có trình độ chuyên môn sâu làm việc tại y tế cơ sở, các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong,... Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến, phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn về thiết bị y tế.

- Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Tiến tới áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Tăng cường công tác vận động, kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn lực hợp tác quốc tế cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế, đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ,.. nhất là ở tuyến cơ sở nhằm phục vụ tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài trợ tài chính trong và ngoài nước cũng như các tổ chức quốc tế. Sử dụng các nguồn lực hợp lý, hiệu quả, đúng quy định hiện hành.

- Rà soát, đánh giá các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2020 sau khi thực hiện sáp nhập xã và xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu 100% xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

3.3. Về công tác giáo dục – đào tạo

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo các ngành học, bậc học theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và các nghị quyết khác của Trung ương, của tỉnh về giáo dục và đào tạo. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; rà soát, sắp xếp và bố trí đủ số lượng giáo viên, giảng viên bảo đảm quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục, quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên đối với các cấp học. Xây dựng lộ trình và thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, tiến tới toàn bộ đội ngũ được chuẩn hóa về trình độ đào tạo.

- Huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi ra lớp; thực hiện tốt việc duy trì sĩ số học sinh ở các cấp học. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Thực hiện tốt quy hoạch mạng lưới trường, lớp gắn với thực hiện đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; bố trí đủ nguồn ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp, nhà công vụ cho giáo viên theo hướng kiên cố hóa và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo lộ trình; đầu tư cơ sở vật chất hệ thống các trường PTDTNT và trường PTDTBT trên địa bàn; trang bị đồ dùng, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục. Xây dựng Kế hoạch thực hiện trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với học sinh, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành Giáo dục. Xem xét, xây dựng chính sách hỗ trợ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện đổi mới cơ chế tài chính, công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo, tăng cường tự chủ cho cơ sở giáo dục, ưu tiên đầu tư ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt từ 21% trở lên trong tổng chi ngân sách của tỉnh nhằm huy động mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

3.4. Công tác thông tin và truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, thông tin tuyên truyền đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội góp phần tích cực trong phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng cơ quan báo chí, tổ hợp truyền thông đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng thông tin tuyên truyền thiết yếu, làm chủ mặt trận thông tin. Tăng cường tính công khai minh bạch thông tin, phát huy mạnh mẽ vai trò của thông tin cơ sở; đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thúc đẩy phát triển lĩnh vực bưu chính theo hướng là hạ tầng chuyên phát và hạ tầng Logistic để phục vụ cho phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, tham gia cải cách hành chính và xây dựng chính phủ điện tử; bảo đảm an toàn tuyệt đối dịch vụ bưu chính phục vụ sự chỉ đạo điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương; triển khai đề án: Thí điểm triển khai cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích tại địa phương.

- Tiếp tục xây dựng Chính quyền số, kinh tế số. Tập trung xây dựng công dân điện tử; Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng chính quyền điện tử; triển khai xây dựng đô thị thông minh của tỉnh. Hệ thống Công Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia; 100% TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu được triển khai DVCTT mức độ 3, 4. Thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo ATTT từ hạ tầng an toàn, an ninh không gian mạng đến giám sát, ứng cứu, kiểm tra, đánh giá ATTT, đào tạo nhân lực, kỹ năng đảm bảo ATTT.

3.5. Văn hóa, thể dục thể thao

- Triển khai thực hiện Đề án lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phương châm xã hội hóa di tích danh thắng; giao quyền bảo vệ, khai thác và phát huy tác dụng của di tích cho các địa phương, các cơ quan đơn vị phù hợp trên cơ sở phân cấp quản lý, đảm bảo các quy định hiện hành của nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa trong bảo tồn, phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp sức người, sức của để giữ gìn, tôn tạo, tu bổ di tích. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

- Thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Bắc Kạn. Hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững tại địa phương. Gắn kết chặt chẽ và xây dựng các mô hình, các chương trình phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương. Phát huy vai trò chủ thể về văn hóa của đồng bào các dân tộc, đặc biệt trong việc thực hiện dự án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

- Phát triển mạnh mẽ, sâu rộng các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng góp phần nâng cao đời sống văn hóa, sức khỏe, tình đoàn kết trong cộng đồng dân cư; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất phục vụ thể dục thể thao. Thực hiện xã hội hoá các hoạt động thể dục thể thao nhằm huy động mọi tiềm năng và vật chất của toàn xã hội chăm lo đến hoạt động TDDT của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động thể dục thể thao. Xây dựng Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn.

3.6. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Thực hiện tốt các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực cụ thể để đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao mức sống, mức hưởng thụ của đồng bào dân tộc; tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề bức xúc như thiếu đất ở, nước sinh hoạt, xoá nhà ở tạm bợ; đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

2021-2030. Nâng cao hiệu quả công tác rà soát, bình chọn công nhận người có uy tín hàng năm tại các địa phương.

- Tạo điều kiện, hướng dẫn cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Đồng thời, phát huy tự giác đấu tranh của đồng bào có đạo, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về tôn giáo, cảnh giác trước âm mưu của kẻ xấu lợi dụng tôn giáo để kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất ổn định chính trị; tranh thủ vai trò, uy tín của các chức sắc, chức việc, già làng, người có uy tín trong cộng đồng để giải quyết các vấn đề tôn giáo; xây dựng lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo.

- Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, các phần tử lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

4. Khoa học công nghệ - Tài nguyên môi trường

4.1. Khoa học công nghệ

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng cấp.

- Tiếp tục đổi mới, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ ở cấp tỉnh và cấp cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu: Tăng cường nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; ưu tiên phát triển một số công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để phát triển các trục sản phẩm theo đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh; bảo tồn quỹ gen giống cây trồng vật nuôi; công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm; hỗ trợ hoàn thiện các sản phẩm thuộc đề án OCOP.

- Tăng cường hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lựa chọn các sản phẩm ưu tiên, phù hợp để triển khai truy xuất nguồn gốc tại địa phương. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; tăng cường hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đầu tư trang thiết bị để từng bước hiện đại hoá công tác quản lý trên địa bàn; từng bước tăng chi ngân sách đầu tư cho khoa học công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thu hút các nhà khoa học, cán bộ quản lý có kinh nghiệm để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương.

4.2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền; phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa và các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội về chính sách, pháp luật

đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành, để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh thực hiện việc đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất. Tập trung thu hồi đất phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo quỹ đất, thúc đẩy đầu tư.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai theo hướng hiện đại, chính quy theo Đề án Tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Kạn; phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh thực hiện quản lý hồ sơ địa chính bằng công nghệ tin học. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, phát huy hiệu quả của hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, thực hiện tốt công tác thống kê đất đai hàng năm, kiểm kê đất đai để nắm chắc quỹ đất phục vụ cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Triển khai xây dựng Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 - 2025) tỉnh Bắc Kạn; công bố, công khai minh bạch kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Kạn, hoàn thành sau khi Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn được phê duyệt.

- Xác định cụ thể ranh giới và công khai diện tích đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Các cấp chính quyền địa phương tiếp tục chỉ đạo làm tốt việc quản lý, sử dụng và mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhằm bù lại diện tích đất nông nghiệp đã bị chuyển sang mục đích khác. Chủ động thu hồi đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Xây dựng giá các loại đất đảm bảo sát với giá thị trường trong điều kiện bình thường không bị gây tác động tăng giảm đột biến. Trong thời gian tới, thực hiện lồng ghép cơ sở dữ liệu giá đất vào cơ sở dữ liệu đất đai để phục vụ cho công tác định giá đất.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai theo quy hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm và xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng đất, sử dụng đất sai mục đích. Tập trung xử lý dứt điểm khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai, tránh để xảy ra điểm nóng.

- Thực hiện việc khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định; thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo theo đúng quy định, trong đó ưu tiên các dự án khai thác gắn với chế biến sâu trên địa bàn tỉnh (*đối với một số loại khoáng sản có tiềm năng như chì-kẽm, sắt, sắt-mangan*). Tăng cường công tác cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, nắm tình hình, kịp thời ngăn chặn các hành vi có liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép.

- Xây dựng Đề án tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý Quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ khoáng sản, chống thất thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 – 2025.

- Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước: Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước để tăng hiệu quả quản lý, khai thác sử

dụng tài nguyên nước. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL có liên quan đến bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn cho phù hợp với tình hình hiện nay. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.

- Triển khai các dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại Bệnh viện thuộc Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn; tại bãi rác thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì; dự án Khắc phục ô nhiễm môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kho thuốc bảo vệ thực vật thuộc Chi nhánh vật tư nông nghiệp Chợ Mới, huyện Chợ Mới và Dự án Khắc phục ô nhiễm môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho thuốc bảo vệ thực vật tại khu 2, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn.

5. Công tác nội chính

5.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật

5.1.1. Nâng cao chất lượng dự thảo văn bản QPPL, đảm bảo tính khả thi. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, xử lý kịp thời văn bản QPPL có nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ pháp chế các sở, ngành phù hợp với quy định và đáp ứng yêu cầu công tác; đưa công tác xây dựng, rà soát văn bản QPPL tại các cơ quan chuyên môn được thực hiện theo quy trình thống nhất, có sự tham gia của công chức pháp chế với vai trò là đầu mối kiểm soát chất lượng, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa kỹ thuật lập quy và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

5.1.2. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước với nội dung, hình thức đa dạng, phù hợp. Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Tổ chức thực hiện “*Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025*”.

5.2. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Hội nghị lần thứ 6, thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương; trong đó sớm hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực. Phân loại cơ quan, đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp (hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, từng bước cổ phần hóa,...). Trong đó, tập trung đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động theo hướng tiếp tục đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự và khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài nhà nước, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học.

- Từng bước sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; tiếp tục sáp nhập các thôn, tổ dân phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức. Trong đó tập trung rà soát, hướng dẫn các đơn vị tuyển dụng công chức, viên chức phải gắn với việc cơ cấu lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo mục tiêu đổi mới về chất lượng công chức, thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu thực thi công vụ để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trọng tâm là nâng cao năng lực, đạo đức, tác phong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới, hiện đại hóa hành chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị, nghị quyết của Chính phủ về tinh giản biên chế; thực hiện đồng bộ giữa giảm biên chế theo tỷ lệ hàng năm với việc tăng cường rà soát, đánh giá để đưa vào danh sách đối tượng tinh giản biên chế những người dôi dư, không đáp ứng tiêu chuẩn, phẩm chất nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đồng thời bảo đảm đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp các cấp và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đặc thù của địa phương và bảo đảm giảm biên chế. Quy định và thực hiện nghiêm, thống nhất việc khoán chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố.

- Tiếp tục thực hiện CCHC trên các lĩnh vực từ cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải cách tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Trong đó, tập trung vào cải cách TTHC trong việc đơn giản hóa TTHC; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó trọng tâm là nâng cao năng lực, đạo đức, tác phong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; hiện đại hóa hành chính, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với CCHC.

5.3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như: Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; đấu thầu; đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công; cổ phần hóa, quản lý doanh nghiệp nhà nước... xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để xử lý và chuyên cơ quan điều tra các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

- Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chú trọng xem xét, giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ ban đầu mới phát sinh tại cơ sở, theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp

công dân, xử lý đơn thư. Tập trung thực hiện kế hoạch kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài góp phần ổn định chính trị-xã hội.

- Tiếp tục thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác phòng, chống tham nhũng. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, trong đó chú trọng: đẩy mạnh cải cách hành chính; hoàn thiện các quy định xây dựng nền công vụ minh bạch, liêm chính, phục vụ; tăng cường chỉ đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, hiệu quả hơn nữa trong công tác phòng chống tham nhũng ở địa phương, cơ sở; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng “tham nhũng vặt”, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong công tác phòng, chống tham nhũng. Thực hiện tốt việc khen thưởng, bảo vệ người tố cáo và tố giác hành vi tham nhũng.

6. Quốc phòng - An ninh

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 29/8/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, địa phương về công tác quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và quốc phòng - an ninh nhằm chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa lực lượng quân đội và công an trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, thực hiện có hiệu quả đề án đảm bảo quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng đối với xã vùng CT229. Nâng cao chất lượng các cuộc luyện tập, diễn tập ở các cấp đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách người có công và chính sách hậu phương quân đội.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả, nhân rộng các mô hình quân chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua Vì an ninh Tổ quốc; chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ cơ sở, không để hình thành các tổ chức đối lập, các “điểm nóng”, xảy ra đột xuất, bất ngờ về an ninh trật tự; không để hình thành các tổ chức tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc về tư